

Quy hoạch điện VIII điều chỉnh: Thay đổi để thúc đẩy phát triển bền vững

1. Tăng trưởng sản lượng: Sản lượng tăng để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam

- Theo điều chỉnh trong Quy hoạch điện VIII, Việt Nam đang áp dụng một cách tiếp cận linh hoạt và chủ động, nhằm hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, đồng thời vẫn bảo đảm cung ứng đủ điện để phục vụ cho tăng trưởng kinh tế.
- Dự báo nhu cầu điện sẽ tăng mạnh trong thời gian tới, khi mục tiêu tăng trưởng GDP được điều chỉnh theo hướng tích cực hơn. Cụ thể, tăng trưởng GDP được đặt mục tiêu vượt 8% vào năm 2025, và đạt mức trung bình khoảng 10%/năm trong giai đoạn 2026–2030. Điều này kéo theo mức tăng nhu cầu điện khoảng 1.4 lần so với hiện tại, tương đương tốc độ tăng trưởng bình quân từ 10.3% đến 12.5% mỗi năm.

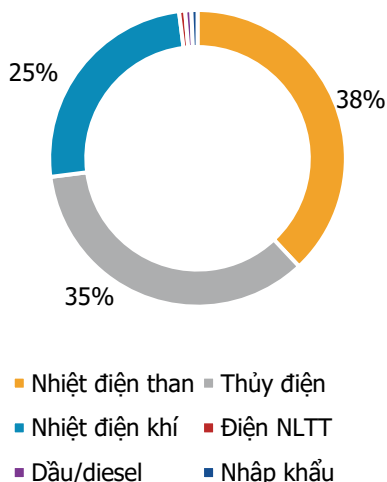
	2024	2025	2026 - 2030	2031 - 2050
Kịch bản tăng trưởng thấp	7.09%	6.60%	6.60%	6.50%
Kịch bản tăng trưởng trung bình		8.00%	8.00%	7.50%
Kịch bản tăng trưởng cao		9.00%	10.00%	7.50%

Nguồn: MoIT, PSI tổng hợp

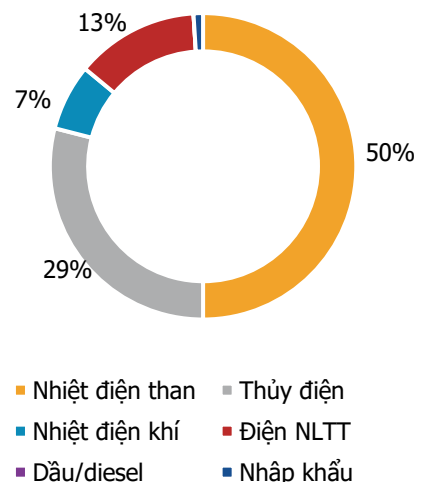
2. Mở rộng năng lượng tái tạo, khôi phục điện hạt nhân

- Trong giai đoạn 2016–2024, tổng công suất lắp đặt của hệ thống điện Việt Nam (không bao gồm điện mặt trời mái nhà) đã tăng trưởng mạnh mẽ, gần như gấp đôi từ mức 42 GW lên đến 75 GW. Mặc dù tỷ lệ dự phòng công suất năm 2024 đạt mức cao ấn tượng là 54%, nhưng nếu loại trừ công suất từ điện mặt trời và điện gió – hai nguồn điện phụ thuộc lớn vào điều kiện thời tiết – con số này chỉ còn khoảng 26%.
- Cơ cấu nguồn điện của Việt Nam hiện nay vẫn chủ yếu dựa vào các nguồn truyền thống như điện than, thủy điện và điện khí. Tuy nhiên, nhờ chính sách khuyến khích mạnh mẽ từ Chính phủ, lĩnh vực năng lượng tái tạo đã có bước phát triển đột phá. Từ chỗ gần như vắng bóng vào năm 2018, đến năm 2024, điện mặt trời đã chiếm khoảng 12% tổng công suất, còn điện gió đóng góp thêm 7%. Trái lại, điện khí – một nguồn năng lượng sạch và ổn định hơn – lại không ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể trong cùng kỳ, khiến tỷ trọng của nó suy giảm từ 18% (năm 2016) xuống còn 10% vào năm 2024. Các loại hình năng lượng khác vẫn chỉ giữ vai trò phụ trong bức tranh tổng thể ngành điện Việt Nam.

Cơ cấu nguồn điện năm 2016



Cơ cấu nguồn điện năm 2024



Nguồn: MoIT, PSI tổng hợp

- Theo nội dung Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, để vừa đáp ứng nhu cầu điện năng ngày càng gia tăng, vừa thực hiện cam kết đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, Chính phủ đang chủ trương thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi năng lượng theo hướng bền vững. Cụ thể, định hướng chiến lược là gia tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời và từng bước phát triển các nguồn năng lượng xanh mới như hydro và ammoniac xanh. Song song với đó, các nhà máy điện than sẽ được cắt giảm dần theo lộ trình, trong khi điện khí và điện LNG sẽ được mở rộng với quy mô hợp lý nhằm bảo đảm ổn định hệ thống.

3. Hệ thống lưu trữ năng lượng hỗ trợ mở rộng năng lượng tái tạo

Bản sửa đổi của Quy hoạch điện VIII đã thể hiện sự quyết tâm trong định hướng phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam, với việc nâng tổng công suất quy hoạch các nguồn này lên mức từ 74,048 MW đến 114,144 MW vào năm 2030—tương ứng mức tăng trưởng lên tới 166% so với quy hoạch ban đầu công bố tháng 5/2023. Đến năm 2050, tổng công suất dự kiến đạt 498,364 – 533,704 MW, đánh dấu mức tăng trưởng ấn tượng lên tới 75%. Trong đó, điện gió ngoài khơi được kỳ vọng sẽ gần như tăng gấp đôi vào năm 2050, còn điện mặt trời được điều chỉnh tăng mạnh đến 470% vào năm 2030 và 75% vào năm 2050.

Tuy nhiên, bên cạnh tiềm năng phát triển, các nguồn năng lượng tái tạo như điện gió và điện mặt trời vẫn tồn tại những hạn chế cố hữu, đặc biệt là tính không ổn định do phụ thuộc vào điều kiện thời tiết—cụ thể là bức xạ mặt trời và tốc độ gió. Đặc điểm này khiến việc chủ động điều chỉnh sản lượng điện gặp nhiều khó khăn, đặc biệt trong các khung giờ nhu cầu tăng cao. Ngoài ra, sự biến động lớn trong thời gian ngắn của các nguồn đầu vào tái tạo đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc nâng cao độ chính xác trong công tác dự báo thời tiết, phát triển các nguồn điều tiết linh hoạt như thủy điện, và đảm bảo công suất dự phòng đủ lớn để duy trì ổn định hệ thống điện quốc gia. Trong bối cảnh đó, hệ thống lưu trữ năng lượng bằng pin (battery storage) được kỳ vọng sẽ đóng vai trò then chốt, với kế hoạch mở rộng đáng kể trong tương lai nhằm khắc phục tính gián đoạn của điện gió và điện mặt trời, đồng thời nâng cao độ tin cậy cho lưới điện khi tỷ trọng năng lượng tái tạo ngày càng gia tăng.

<i>Đơn vị: MW</i>	QHĐ VIII điều chỉnh			QHĐ VIII ban đầu	
Loại hình	2023	2030	2050	2030	2050
Thủy điện	22,872	33,294 - 34,667	40,624	29,346	36,016
Nhiệt điện than	26,756	31,055		30,127	
Nhiệt điện dầu khí	1,126	-	-	-	-
Nhiệt điện khí và các loại hình liên quan	7,152	10,861 - 14,930	14,930	14,930	14,060
- Nhiệt điện khí trong nước	7,152	10,861 - 14,930	-	14,930	-
- Nhiệt điện khí trong nước & chuyển đổi sang LNG	-	-	7,900	-	7,900
- Chuyển đổi hoàn toàn thành Hydro	-	-	7,030	-	7,030
Nhiệt điện LNG và các loại hình liên quan	-	22,524	28,663 - 39,717	22,400	43,300 - 52,300
- Nhiệt điện LNG	-	22,524	-	22,400	-
- Nhiệt điện LNG với hydrogen	-	-	18,200 - 26,123	-	4,500 - 9,000
- Nhiệt điện LNG và nhiệt điện hydrogen	-	-	8,576 - 11,325	-	16,400 - 20,900

- Nhiệt điện LNG với CCS	-	-	1,887 - 2,269	-	-
Năng lượng tái tạo	21,664	74,048 - 114,144	498,364 - 533,704	42,986	304,569 - 363,859
- Điện gió trên đất liền và gần đất liền	7,777	26,066 - 38,029	84,696 - 91,400	21,800	60,050 - 77,050
- Điện gió ngoài khơi	-	6,000	113,503 - 139,097	6,000	70,000 - 91,500
- Điện mặt trời	13,332	46,459 - 73,416	293,088 - 295,646	12,836	168,594 - 189,294
- Điện sinh khối và các nguồn khác	199	3,009 - 4,881	7,077 - 9,561	2,270	6,015
Điện hạt nhân	-	6,000 - 6,400	10,500 - 14,000	-	-
- Nhiệt điện than bằng sinh khối và/hoặc amoniac	-	-	25,798	-	25,632 - 32,432
- Nguồn điện linh hoạt	-	2,000 - 3,000	21,333 - 38,641	300	30,900 - 46,200
- Thủy điện tích năng	-	2,400 - 6,000	20,691 - 21,327	2,400	-
- Hệ thống lưu trữ năng lượng	-	10,000 - 16,300	95,983 - 96,120	300	30,650 - 45,550
- Đồng phát điện	-	-	-	2,700	4,500
- Diesel và các loại khác	165	-	-	-	-
Nhập khẩu	820	9,360 - 12,100	14,688	5,000 - 8,000	11,042
Tổng cộng (không gồm nhập khẩu, điện mặt trời áp mái)	79,570	183,291 - 236,363	774,503 - 838,681	150,489	490,529 - 573,129

Nguồn: MoIT, PSI tổng hợp

4. Điện hạt nhân được tái khởi động

Trong bối cảnh các nguồn nhiệt điện truyền thống có những hạn chế cả về hiệu suất vận hành lẫn tác động môi trường, Chính phủ Việt Nam đã chính thức đề xuất tái khởi động chương trình phát triển điện hạt nhân (vừa được Quốc hội khóa XV thông qua). Động thái này không chỉ nhằm đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia trong dài hạn, mà còn được kỳ vọng sẽ đóng góp đáng kể vào mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, phù hợp với cam kết đạt mức phát thải carbon ròng bằng 0 vào năm 2050.

Theo kế hoạch được phê duyệt, hai Tập đoàn Nhà nước hàng đầu trong lĩnh vực năng lượng là Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam) sẽ đảm nhiệm vai trò chủ lực trong việc phát triển hai dự án điện hạt nhân trọng điểm tại Vĩnh Hải (Ninh Thuận 1) và Phước Dinh (Ninh Thuận 2). Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đã khoanh vùng và định hướng phát triển thêm năm địa điểm chiến lược cho các dự án điện hạt nhân trong tương lai, bao gồm các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Hà Tĩnh và Quảng Ngãi. Trong giai đoạn từ năm 2031 đến 2035, nguồn điện hạt nhân được dự báo sẽ có tổng công suất từ 4,000 đến 6,400 MW. Đến năm 2050, Việt Nam đặt mục tiêu nâng tổng công suất điện hạt nhân lên thêm 8,000 MW.

5. Dàn loại bỏ điện than và hạn chế phụ thuộc vào điện khí

Mặc dù công suất lắp đặt của các nhà máy điện than được dự báo sẽ tăng nhẹ khoảng 3% vào năm 2030, nhưng loại hình phát điện này vẫn được hoạch định sẽ dừng hoạt động hoàn toàn vào năm 2050, phản ánh cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong lộ trình giảm phát thải và chuyển dịch năng lượng. Trong khi đó, vai trò của điện khí – đặc biệt là khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) – đang được tái cấu trúc theo hướng sử dụng có chọn lọc trong trung và dài hạn, như một giải pháp chuyển tiếp trước khi hệ thống năng lượng sạch đủ khả năng thay thế hoàn toàn.

Có lẽ sau những biến động toàn cầu trong thời gian gần đây, bao gồm đại dịch COVID-19, cuộc chiến Nga–Ukraine, và căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông, đã khiến giá nhiên liệu hóa thạch như than, dầu và khí đốt leo thang đáng kể. Hệ quả là chi phí sản xuất điện của EVN gia tăng mạnh, góp phần gây mất cân đối tài chính và tiềm ẩn rủi ro mất ổn định hệ thống điện quốc gia. Trong bối cảnh đó, Chính phủ đã xác định chiến lược giảm dần và tiến tới chấm dứt sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch là bước đi tất yếu và cấp thiết, nhằm bảo đảm an ninh năng lượng lâu dài và thúc đẩy mục tiêu phát triển bền vững.

6. Phát triển lưới điện để đảm bảo hoạt động truyền tải

Khu vực miền Trung – với lợi thế sở hữu lượng điện dư thừa lớn từ các dự án năng lượng tái tạo và truyền thống – được xác định là trung tâm cung ứng điện và công suất dự phòng chiến lược cho cả hai miền Bắc và Nam thông qua hệ thống truyền tải liên vùng. Nhu cầu truyền tải điện từ miền Trung ra miền Bắc sẽ tăng mạnh, phản ánh sự tái phân bố năng lượng giữa các vùng để đáp ứng nhu cầu sử dụng điện ngày càng cao tại các trung tâm công nghiệp và đô thị lớn, đồng thời bảo đảm ổn định lưới điện quốc gia trong dài hạn.

7. Nhu cầu vốn đầu tư tăng cao

Theo Quy hoạch điện VIII ban đầu, tổng nhu cầu vốn đầu tư trong giai đoạn 2021–2030 được ước tính vào khoảng 134.7 tỷ USD, trong đó 119.8 tỷ USD dành cho phát điện và 14.9 tỷ USD cho phát triển hạ tầng truyền tải điện – tương đương khoảng 13.5 tỷ USD mỗi năm. Tuy nhiên, trong bản cập nhật mới nhất của QHĐ VIII điều chỉnh, tổng vốn đầu tư đã tăng đáng kể lên 136.3 tỷ USD chỉ trong giai đoạn 2026–2030, với 118.2 tỷ USD cho phát điện và 18.1 tỷ USD cho truyền tải. Con số này tương ứng với mức đầu tư trung bình hàng năm lên đến 27.3 tỷ USD, tăng gấp đôi (102%) so với ước tính ban đầu.

Trong giai đoạn dài hạn từ 2031 đến 2050, mức đầu tư dự kiến ban đầu dao động từ 399.2 đến 523.1 tỷ USD, thì hiện nay đã được điều chỉnh tăng mạnh lên khoảng 700 tỷ USD. Điều này cũng đồng nghĩa với việc nhu cầu vốn trung bình mỗi năm tăng từ mức 20–26.2 tỷ USD lên khoảng 35 tỷ USD.

	QHĐ VIII điều chỉnh			QHĐ VIII ban đầu	
<i>Đơn vị: Tỷ USD</i>	2026 - 2030	2031 - 2035	2035 - 2050	2021 - 2030	2031 - 2050
Phát điện	118.2	114.1	541.2	119.8	364.4 - 511.2
Truyền tải lưới điện	18.1	15.9	27.9	14.9	34.8 - 38.6
Tổng vốn đầu tư	136.3	130.0	569.1	134.7	399.2 - 523.1

Nguồn: MoIT, PSI tổng hợp

8. Tác động lên các doanh nghiệp

QHĐ VIII sửa đổi và các nghị định mới ban hành dự kiến tạo ra tiềm năng tăng trưởng đáng kể cho các công ty phát điện. Đồng thời, những thay đổi về mặt chính sách này tạo ra môi trường đầu tư thuận lợi hơn, thúc đẩy các dự án hạ tầng điện và phát triển năng lượng tái tạo.

- **GEG, REE** sẽ được hưởng lợi lớn từ chính sách hỗ trợ ngành năng lượng tái tạo của Chính phủ. Đối với GEG, Các dự án sẽ được triển khai trong thời gian tới bao gồm dự án điện mặt trời Đức Huệ 2 (49 MW) và dự án điện gió VPL 2 (30 MW). Đối với REE, công ty hiện đang mở rộng danh mục đầu tư mảng năng lượng tái tạo bằng cách bổ sung thêm dự án thủy điện Trà Khúc 2 (30 MW tại tỉnh Quảng Ngãi) và nhà máy điện gió Duyên Hải (V1-4 48 MW tại tỉnh Trà Vinh).
- **POW** được dự báo sẽ tăng trưởng nhờ nhu cầu điện ngày càng tăng và dự kiến nhà máy điện khí Nhơn Trạch 3 và 4 sẽ được đưa vào vận hành trong nửa cuối năm 2025. Do LNG đóng vai trò ngày càng quan trọng trong chiến

lược chuyển đổi năng lượng của Việt Nam, công suất hoạt động của POW có thể sẽ tăng cao hơn, từ đó triển vọng lợi nhuận được cải thiện trong những năm tới.

- **TV2, PC1** sẽ được hưởng lợi từ việc tăng cường phát triển điện gió, khi đây là các nhà thầu xây dựng, tư vấn thiết kế nổi bật. Ngoài ra, việc ưu tiên vào nâng cấp lưới điện trong QHĐ VIII sửa đổi mang lại cơ hội tăng trưởng mạnh mẽ cho mảng xây dựng liên quan đến điện của PC1.



LIÊN HỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Tòa nhà Hanoitourist, số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: + 84 4 3934 3888 - Fax: +84 3934 3999

Website: www.psi.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Lầu 1, tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường
Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3914 6789

Fax: (84-8) 3914 6969

Chi nhánh TP. Vũng Tàu

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, Tp. Vũng
Tàu

Điện thoại: (84-64) 254520/22/23/24/26

Fax: (84-64) 625 4521

Chi nhánh TP. Đà Nẵng

Tầng 3, tòa nhà số 53 Lê Hồng Phong,
Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại: (84-511) 389 9338

Fax: (84-511) 389 9339

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được PSI đưa ra dựa trên những nguồn tin mà PSI coi là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, PSI không đảm bảo tính đầy đủ và chính xác tuyệt đối của các thông tin này.

Báo cáo được đưa ra dựa trên các quan điểm của cá nhân chuyên viên phân tích, không nhằm mục đích chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo này như một nguồn tham khảo cho quyết định đầu tư của mình và PSI sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này về những tổn thất có thể xảy ra khi đầu tư hoặc thông tin sai lệch về đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này.